TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINHĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 121/2025/QĐST-HNGĐ *Quận G, ngày 05 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 43/TLST – HN ngày 09/01/2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1966; địa chỉ: Số I Đường H, Khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Hà Quang T, sinh năm 1959; địa chỉ: Số nhà B, đường Đ, Khu phố A, Phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Người yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích H cư trú tại Quận G và có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, căn cứ Khoản 2 Điều 29, Điều 35; Điểm h Khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu của các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích H và ông Hà Quang T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2001 đăng ký ngày 04/6/2001 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, Thành phố Hải Phòng). Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Bích H và ông Hà Quang T có phát sinh mâu thuẫn, cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Bích H và ông Hà Quang T thật sự không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên là Hà Duy T1 (nam), sinh ngày 13/10/1995 (đã trưởng thành) nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xét.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Các đương sự phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

1.1.Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Quang T và bà Nguyễn Thị Bích H xác nhận thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 55/2001 đăng ký ngày 04/6/2001 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận L, Thành phố Hải Phòng)

1.2. Về con chung: Có 01 con chung tên là Hà Duy T1 (nam), sinh ngày 13/10/1995 (đã trưởng thành)

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có.

1.5. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Các đương sự chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0037104 ngày 09/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật

Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc San H1